

# Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



## C Kết hôn - Ly hôn

▣ [C Kết hôn - Ly hôn](#)

### 1 Kết hôn

#### 1-2 Đăng ký kết hôn.

Giấy đăng ký kết hôn là giấy phải nộp cho tòa hành chính thành phố, phường xã khi kết hôn. Điều kiện để việc kết hôn được hoàn thành ở mỗi nước khác nhau, cho nên người Nhật phải đáp ứng các điều kiện về kết hôn của Nhật bản, người nước ngoài thì phải đáp ứng các điều kiện về kết hôn của nước mình. Trường hợp người nước ngoài kết hôn, phải nộp giấy chứng nhận hội đủ điều kiện kết hôn để chứng minh có đủ điều kiện.

Giấy chứng nhận hội đủ điều kiện kết hôn của người nước ngoài được cấp tại đại sứ quán và lãnh sự quán của nước mình tại Nhật, nếu giấy tờ đó được ghi bằng tiếng nước ngoài thì phải đính kèm bản dịch tiếng Nhật có chữ ký và con dấu của người phiên dịch. Trường hợp nước mà không cấp giấy chứng nhận hội đủ điều kiện kết hôn, phải chuẩn bị giấy tờ thay tương đương khác, xin hãy hỏi thêm chi tiết tại tòa hành chính thành phố, phường xã.

Giấy tờ cần thiết	Nơi nộp và trao đổi	Thời hạn	Người nộp
1 Giấy đăng ký kết hôn (lấy mẫu đơn có ở tòa hành chính thành phố, phường xã). *Cần có chữ ký và con dấu của hai người làm chứng đã trưởng thành. 2 Bản sao hộ tịch (người Nhật) 3 Giấy chứng nhận hội đủ điều kiện kết hôn hoặc giấy tờ tương đương. (người nước ngoài) 4 Thẻ đăng ký ngoại kiều 5 Hộ chiếu (vật chứng minh quốc tịch)	Tòa hành chính của thành phố, phường xã mà vợ hoặc chồng có địa chỉ và nguyên quán của người Nhật (lấy mẫu đơn có ở tòa hành chính thành phố, phường xã).	Tùy ý	Hai người kết hôn

\* Nếu cần, sau khi thụ lý, sẽ được cấp giấy chứng nhận đã thụ lý kết hôn.

#### (1) Trường hợp một người là người nước ngoài.

Trường hợp người Nhật và người nước ngoài kết hôn tại Nhật thì phải nộp giấy đăng ký kết hôn theo luật hộ tịch. Lúc này thủ tục kết hôn tại Nhật kết thúc, kế đó là bạn sẽ làm thủ tục tại nước mình. Lúc đó bạn cần giấy chứng nhận đã thụ lý kết hôn. Vì vậy khi nộp giấy đăng ký kết hôn thì nên xin được cấp giấy chứng nhận đã thụ lý kết hôn. Tùy nước mà phương pháp làm thủ tục khác nhau, xin hãy xác nhận tại đại sứ quán và lãnh sự quán của nước mình tại Nhật. Khi kết hôn với người Nhật và có nguyện vọng thay đổi từ tư cách lưu trú hiện giờ sang tư cách lưu trú vợ (chồng) của người Nhật thì xin hãy đến tư vấn tại sở quản lý nhập cảnh.

#### Cách ghi giấy đăng ký kết hôn.

Cách ghi giấy đăng ký kết hôn giống như người Nhật trừ các điểm dưới.

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư ngụ của đương sự.

Ghi họ rồi đến tên bằng chữ Katakana, giữa họ và tên thì đánh dấu chấm. Có thể ghi ngày, tháng, năm sinh bằng dương lịch. Địa chỉ là chỗ mà đăng ký ngoại kiều.



# Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



## C Kết hôn - Ly hôn

▶ [C Kết hôn - Ly hôn](#)

- Nguyên quán
- Đương sự chỉ cần ghi quốc tịch
- Ký tên và đóng dấu
- Chỉ cần ký tên cũng được.

Sample

婚姻届		受理 平成 年 月 日	受理 平成 年 月 日
平成 年 月 日届出		第 号	第 号
長 殿		住所 平成 年 月 日	住所 平成 年 月 日
		第 号	第 号
		住民票 戸籍記載 記載済否 済否 済否 済否	住民票 戸籍記載 記載済否 済否 済否 済否
(1) 氏名	夫になる人	妻になる人	
生年月日	年 月 日	年 月 日	
(2) 住所	番地 番 号	番地 番 号	
(3) 本籍	番地 番 号	番地 番 号	
父母の氏名	父 続き柄	父 続き柄	
父母との続き柄	母 男 女	母 男 女	
(4) 婚姻後の夫婦の氏・新しい本籍	新本籍(左の記の氏の人ですでに戸籍の筆頭者となっているときは書かないでください)		
同居を始めたとき	年 月 日 (結婚式をあげたとき、または、同居を始めたときのうち早いほうを書いてください)		
(6) 初婚・再婚の別	夫 妻		
(7) 同居を始める前の夫妻のそれぞれの世帯のおもな仕事と	1. 農業だけまたは農業とその他の仕事を持っている世帯 2. 自由業・商工業・サービス業等を個人で経営している世帯 3. 企業・個人商店等(百五十円は除く)の常用勤労者以外で勤めの先に従業員数が1人から99人までの世帯(日々または1年未満の契約の雇用者は5) 4. 3にあてはまらない常用勤労者数及び会社団体の役員の新習(日々または1年未満の契約の雇用者は3) 5. 1から4にあてはまらないその他の仕事をしている者のいる世帯 6. 仕事をしている者のいない世帯		
(8) 夫妻の職業	夫の職業 妻の職業		
その他			
届出人	夫 妻		
署名 押印	印 印		
事件簿番号	住所を定めた年月日		
	夫 年 月 日		
	妻 年 月 日		
	電話 区 号 番号		
	送付先 送付先が取れるところ		
	先 自宅・勤務先・携帯		

字は略さず丁寧に書いてください。



# Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



## C Kết hôn - Ly hôn

▶ [C Kết hôn - Ly hôn](#)

### Sample

#### 記入の注意

鉛筆や消えやすいインキで書かないでください。

この届は、あらかじめ用意して、結婚式をあげる日または同居を始める日に出すようにしてください。その日が日曜日や祝日でも届けることができます。(この場合、郵便等で取替うので、前日までに、戸籍担当係で下調べをしておいてください。)

届書は、1通でさしつかえありません。

この届書を本籍地でない役所に出すときは、戸籍抄本(個人事項証明書)、戸籍簿本(全部事項証明書)が必要ですから、あらかじめ用意してください。

		証 人	
署 名 印	印	印	印
生 年 月 日	年 月 日	年 月 日	年 月 日
住 所	番 地 番 号	番 地 番 号	番 地 番 号
本 籍	番 地 番 号	番 地 番 号	番 地 番 号

- 「筆頭者の氏名」には、戸籍のはじめに記載されている人の氏名を書いてください。
- 父母がいまだ婚姻しているときは、母の氏は書かないで、名だけを書いてください。  
妻父母についても同じように書いてください。
- □には、あてはまるものに□のようにするしをつけてください。  
外国人と結婚する人が、まだ戸籍の筆頭者となっていない場合には、新しい戸籍がつけられますので、希望する本籍を書いてください。
- 再婚のときは、直前の婚姻について書いてください。  
内縁のものはふくまれません。

届け出られた事項は、人口動態調査(統計法に基づく指定統計第5号、厚生労働省所管)にも用いられます。

- 署名は必ず本人が自署してください。
- 印は各自別々の印を押してください。
- 届出人の印をご持参ください。



# Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



## C Kết hôn - Ly hôn

▣ [C Kết hôn - Ly hôn](#)

### (2) Trường hợp cả hai người cùng là người nước ngoài

Trường hợp hai người nước ngoài muốn kết hôn tại Nhật thì tùy mỗi nước mà phương pháp làm thủ tục khác nhau, xin hãy xác nhận tại đại sứ quán và lãnh sự quán của nước mình tại Nhật. Trường hợp muốn làm thủ tục đăng ký kết hôn tại tòa hành chính thành phố, phường xã của Nhật, xin hãy xác nhận các loại giấy tờ cần thiết tại tòa hành chính thành phố, phường xã (sau khi được thụ lý sẽ được cấp giấy chứng nhận đã thụ lý kết hôn). Mặt khác, việc đăng ký kết hôn tại mỗi nước mình cũng cần thiết.

### (3) Quốc tịch sau khi kết hôn

Khi người nước ngoài kết hôn với người Nhật thì không có chuyện là tự nhiên có thể lấy được quốc tịch Nhật. Để lấy được quốc tịch Nhật thì phải có sự cho phép nhập quốc tịch của bộ trưởng Tư Pháp ([tham thảo thêm ở "D các loại đăng ký khác 3"](#))

